TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 79/2024/HC-PT
Ngày: 26/02/2024
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Minh Tuấn;

Ông Nguyễn Nam Thành.

-Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Tùng, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyến - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 821/2023/TLPT-HC ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 77/2023/HC-ST ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1142/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Phạm Thị T và ông Trương Quang H; địa chỉ: Tổ A, khu G, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H1; địa chỉ: Số H Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương và bà Đặng Thị N; địa chỉ: Xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang (địa chỉ liên hệ của ông H1 và bà N: Tầng D, tháp A, mặt Dương Đình N1, đường P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội). Ông H1 có mặt, bà N vắng mặt (Văn bản ủy quyền ngày 23/6/2022).

Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ trụ sở: Số B phố B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu N2 - Phó Chủ tịch UBND thành phố H; vắng mặt (Văn bản ủy quyền ngày 09/6/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Hà Hữu T1 - Phó Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố H; vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân phường G, thành phố H; địa chỉ trụ sở: Phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Văn B - Phó chủ tịch UBND phường G; vắng mặt (Văn bản ủy quyền ngày 02/8/2023).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ trụ sở: Số B phố B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu N2 - Phó Chủ tịch UBND thành phố H; vắng mặt (Văn bản ủy quyền ngày 09/6/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Hà Hữu T1 - Phó Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố H; vắng mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường G, thành phố H; địa chỉ: Phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Văn B - Phó chủ tịch UBND phường G; vắng mặt (Văn bản ủy quyền ngày 02/8/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12/5/2022 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là bà Phạm Thị T và ông Trương Quang H trình bày:

Chúng tôi là những người đang quản lý, sử dụng ổn định 52,4m^2 đất tại tổ A, khu G, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Thửa đất này có nguồn gốc khai hoang và trồng trọt từ năm 1986, năm 1990 gia đình chúng tôi xây dựng nhà ở và sinh sống trên thửa đất này. Năm 1992, gia đình tôi làm đơn xin phép kinh doanh bán hàng tạp phẩm, có xác nhận của UBND phường G. Từ đó đến nay, chúng tôi vẫn kinh doanh và sinh sống trên thửa đất này ổn định, không có tranh chấp, không bị xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến việc xây dựng và sử dụng thửa đất trên.

Ngày 24/12/2018, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 8519/QĐ-UBND thu hồi 285,8m^2 đất của 20 hộ gia đình, cá nhân tại phường G để bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án cải tạo đường G từ ngã 3 Ba Lan đến ngã 3 lối rẽ đi Nhà máy Đ tại phường G, thành phố H. Theo Quyết định này, gia đình chúng tôi bị thu hồi 7,6m^2 đất để thực hiện dự án nhưng không được bồi thường.

Ngày 09/3/2020, UBND thành phố H tiếp tục ban hành Quyết định số 1663/QĐ-UBND thu hồi đất của 09 hộ gia đình, cá nhân tại phường G để bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện công trình cải tạo, chỉnh trang đường G đoạn từ Bưu điện K đến ngã 3 vào Nhà máy Đ1 tại phường G thành phố H và Quyết định số 1668/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho 09 hộ dân tại phường G để thực hiện dự án. Theo Quyết định này, gia đình chúng tôi bị thu hồi toàn bộ 52m^2 đất để thực hiện dự án, nhưng không được bồi thường về đất cũng như không được bố trí một suất tái định cư nào.

Theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phê duyệt tại Quyết định số 1668/QĐ-UBND thì chúng tôi chỉ được bồi thường công trình trên đất với giá trị là 169.411.000đ mà không được bồi thường về đất với lý do thửa đất của chúng tôi là đất chuyên dùng do UBND phường quản lý. Không đồng ý với kết luận về nguồn gốc sử dụng đất, chúng tôi đã làm đơn khiếu nại lên UBND phường G, tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 11/QĐ-UBND

ngày 15/01/2021, UBND phường G căn cứ vào Bản đồ địa chính năm 1998 cho rằng thửa đất của gia đình chúng tôi là đất chuyên dùng do UBND phường quản lý và không chấp nhận khiếu nại của chúng tôi.

Chúng tôi tiếp tục khiếu nại lên UBND thành phố, tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 5688/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của Chủ tịch UBND thành phố H nêu rõ "Việc UBND phường lập bản chứng nhận và khẳng định diện tích đất gia đình ông Trương Quang H đang sử dụng là "đất chuyên dùng" là còn thiếu cơ sở và chưa đúng thẩm quyền theo quy định". Đồng thời kết luận "Nội dung khiếu nại của ông Trương Quang H về: "Nguồn gốc sử dụng đất đối với một phần diện tích thuộc thửa 119, 121 tờ bản đồ số 42 do gia đình tôn tạo từ trước ngày 15/10/1993 và sử dụng để kinh doanh, không phải đất chuyên dùng do UBND phường quản lý" là có cơ sở xem xét". Cũng theo Quyết định này, UBND thành phố H giao:

"1. Chủ tịch UBND phường G thu hồi và lập lại bản chứng nhận nhà, đất đối với thửa đất số 119, 121 tờ bản đồ số 42 (tức thửa đất GPMB số 44 tờ bản đồ số 02) cho gia đình ông Trương Quang H theo quy định.

2. Trên cơ sở bản chứng nhận nhà, đất do UBND phường lập lại, Ban Q lập, trình Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và TĐC thành phố xem xét xác định đúng loại đất (nếu có đủ điều kiện) làm cơ sở để UBND thành phố phê duyệt, bồi thường, hỗ trợ theo quy định".

Ngày 24/11/2021, UBND phường G ban hành Quyết định số 355/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ bản chứng nhận nhà, đất đã lập trước đây, theo quyết định này, UBND phường G thu hồi nội dung "Đất chuyên dùng do nhà nước quản lý". Ngày 25/11/2021, ngày 07/01/2022 UBND phường G ban hành Văn bản số 1531/UBND và Văn bản số 29/UBND về việc bổ sung thông tin, nguồn gốc, quá trình sử dụng đất. Theo các văn bản này, UBND phường Giếng Đáy xác định thửa đất của chúng tôi là đất do Nhà nước quản lý nhưng lại không đưa ra được căn cứ pháp luật hay bất cứ tài liệu, bản đồ, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ để chứng minh. Không đồng ý với nội dung trên, chúng tôi gửi đơn đến UBND thành phố H để yêu cầu bồi thường về diện tích đất thu hồi và hỗ trợ tái định cư, tuy nhiên tại các văn bản số 200/UBND ngày 11/01/2022, văn bản số 2210/UBND ngày 25/3/2022, UBND thành phố H kết luận thửa đất của chúng tôi là đất do Nhà nước quản lý do đó không đủ điều kiện để được bồi thường về đất, hỗ trợ tái định cư. Cũng tại các văn bản này, UBND thành phố H cũng không đưa ra được căn cứ pháp luật hay bất cứ tài liệu, bản đồ, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ để chứng minh việc sử dụng thửa đất của chúng tôi thuộc quyền quản lý của Nhà nước.

Chúng tôi khẳng định thửa đất nêu trên của chúng tôi hoàn toàn đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ về đất dựa trên những căn cứ pháp lý sau:

Thứ nhất: Thửa đất không phải đất do Nhà nước quản lý bởi:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 8; khoản 2 Điều 42; Điều 59; khoản 1 Điều 66; khoản 3 Điều 72; khoản 2 Điều 139; khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 164 Luật Đất đai; khoản 1 Điều 58 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì UBND cấp tỉnh quản lý đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất chưa sử dụng tại

các đảo chưa có người ở; quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo thẩm quyền; trưng dụng đất, thu hồi; hồ, đầm thuộc địa phận nhiều huyện.

Theo khoản 2 Điều 41; khoản 2 Điều 42; Điều 59; khoản 2 Điều 66; khoản 3 Điều 72; khoản 2 Điều 139 Luật Đất đai, UBND cấp huyện quản lý đất bãi bồi ven sông, ven biển thường xuyên được bồi tụ hoặc sạt lở; hồ đầm thuộc địa phận của nhiều xã; quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; quản lý việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất; trưng dụng đất.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 8; điểm b khoản 2 Điều 68; khoản 4 Điều 132; Điều 141; Điều 158; khoản 1 Điều 164 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 58 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì UBND cấp xã quản lý, bảo vệ đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; đất sử dụng vào mục đích công cộng được bàn giao để quản lý; đất chưa giao, đất chưa cho thuê tại địa phương; đất bãi bồi ven sông; đất chưa sử dụng tại địa phương gồm đất bằng chưa sử dụng, đất đồi núi chưa sử dụng, núi đá không có rừng cây; đất đã thu hồi do vi phạm pháp luật về đất đai, do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người là đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn; quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã.

Đối chiếu với các quy định trên, thửa đất của chúng tôi không nằm trong diện quản lý của bất cứ cơ quan, tổ chức nào, do đó, việc UBND thành phố H, UBND phường G kết luận thửa đất của chúng tôi do Nhà nước quản lý là không có cơ sở.

Thứ hai, theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP gia đình chúng tôi đã quản lý, sử dụng ổn định, liên tục từ trước năm 1992 đến nay, việc sử dụng đất ổn định, lâu dài, liên tục được thể hiện thông qua các loại giấy tờ như: Đơn xin phép kinh doanh ngày 03/6/1992 có xác nhận của UBND phường G, Biên lai nộp thuế nhà đất; Sổ hộ khẩu, Chứng minh nhân dân ... Quá trình sử dụng đất không có tranh chấp, khiếu kiện, không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng, đất đai.

Thứ ba, 52m^2 đất bị thu hồi của chúng tôi phải được xác định là đất ở theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP vì gia đình chúng tôi đã trồng trọt, chăn nuôi trên thửa đất này từ năm 1986, năm 1990 gia đình chúng tôi bắt đầu xây nhà để ở, đến năm 1992 chúng tôi có đơn xin phép kinh doanh và được UBND phường G xác nhận. Từ đó đến nay, gia đình chúng tôi vẫn sử dụng thửa đất này cho mục đích để ở. Tại các Quyết định giải quyết khiếu nại số 11/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND phường G; số 5688/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND thành phố H cũng ghi nhận gia đình chúng tôi đã sử dụng cho mục đích để ở và kinh doanh.

Thứ tư, thửa đất của gia đình chúng tôi đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng đất ở theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP do gia đình chúng tôi đã sử dụng thửa đất này để ở, sinh hoạt và buôn bán từ năm 1986. Kể cả khi thửa đất đã có quy hoạch làm đường giao

thông, nhưng gia đình chúng tôi đã quản lý, sử dụng thửa đất từ trước thời điểm phê duyệt quy hoạch nên chúng tôi vẫn được công nhận quyền sử dụng đất.

Thứ năm, thửa đất của gia đình chúng tôi đủ điều kiện để được bồi thường về đất ở theo quy định tại khoản 1 Điều 74; khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

Thứ sáu, gia đình chúng tôi đủ điều kiện để được bố trí tái định cư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP vì tại thời điểm có Quyết định thu hồi đất số 1663/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của UBND thành phố H, chúng tôi không còn đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn phường G, do đó chúng tôi đủ điều kiện để được bồi thường 01 suất đất ở tái định cư.

Thứ bảy, thửa đất của chúng tôi không nằm trong các trường hợp không được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 82 Luật Đất đai năm 2013.

Bà Phạm Thị T và ông Trương Quang H khởi kiện yêu cầu: Hủy các Quyết định số 8519/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND thành phố H về việc thu hồi 285,8m^2 đất của 29 hộ gia đình, cá nhân tại phường G để bồi thường GPMB thực hiện dự án cải tạo đường G đoạn từ Ngã 3 Ba Lan đến Ngã 3 lối rẽ đi Nhà máy Đ tại phường G, thành phố H; Quyết định số 1663/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của UBND thành phố H về việc thu hồi đất của 09 hộ gia đình, cá nhân tại phường G để GPMB thực hiện công trình: Cải tạo, chỉnh trang đường G (đoạn từ Bưu điện K đến ngã 3 vào Nhà máy Đ1) tại phường G, thành phố H; Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của UBND thành phố H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho 09 hộ dân tại phường G để GPMB xây dựng công trình cải tạo, chỉnh trang đường G; Bản chứng nhận nhà đất cùng các văn bản có nội dung sửa đổi, bổ sung bản chứng nhận này của UBND phường G (nội dung sửa đổi, bổ sung bản chứng nhận nhà đất này được khẳng định trong Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 24/11/2021; Văn bản số 29/UBND ngày 07/01/2022; Văn bản số 1531/UBND ngày 25/11/2021 do UBND phường G ban hành) để ban hành Quyết định thay thế khác trên cơ sở công nhận quyền sử dụng đất đối với 52m^2 đất mà gia đình chúng tôi đang sử dụng là đất ở, không phải đất do Nhà nước quản lý, đồng thời bồi thường toàn bộ diện tích đất này theo khung giá đất ở hoặc bố trí 01 suất đất tái định cư cho gia đình tôi khi Nhà nước thu hồi đất.

Người bị kiện là Chủ tịch và UBND thành phố H **do người đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Tóm tắt nguồn gốc, diễn biến quá trình sử dụng thửa đất khiếu nại:

Hộ ông Trương Quang H kê khai quản lý sử dụng thửa đất số 44, tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 02 tại tổ A, khu G, phường G thuộc diện giải phóng mặt bằng thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang đường G (Đoạn từ Bưu điện K đến ngã ba rẽ vào Nhà máy Đ1) với diện tích 52m^2, trong đó:

- 40m^2 đất thu hồi thuộc thửa 121, tờ bản đồ địa chính số 42 đất chuyên dụng do Ủy ban nhân dân phường Q;

- 12m^2 đất thu hồi thuộc thửa 119, tờ bản đồ địa chính số 42 đất giao thông do Ủy ban nhân dân phường Q;

Theo Bản chứng nhận nhà, đất của Ủy ban nhân dân - Ủy ban Mặt trận tổ quốc phường G ngày 26/02/2019:

Đất chuyên dụng do Ủy ban nhân dân phường quản lý, gia đình tự quản lý sử dụng làm kios để kinh doanh từ năm 1992 đến nay. Trong quá trình sử dụng, ông H tôn tạo lại quán thành công trình kiến cố, năm 2012 gia đình chuyển khẩu về để ở và kinh doanh.

Căn cứ Quyết định số 5688/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của Chủ tịch UBND thành phố về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Quang H trú tại tổ A, khu G, phường G, thành phố H. Ngày 24/11/2021, UBND phường G đã ban hành Quyết định số 355/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ một phần Bản chứng nhận nhà, đất ngày 26/02/2019 đối với hộ ông, bà Trương Quang H, Phạm Thị T, trong đó thu hồi nội dung: Đất chuyên dụng do Ủy ban nhân dân phường Q.

Ngày 25/11/2021, UBND phường G đã ban hành Văn bản số 1531/UBND ngày 25/11/2021 về việc bổ sung thông tin nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với hộ ông, bà Trương Quang H, Phạm Thị T cụ thể bổ sung nguồn gốc đất như sau: Đất do Nhà nước quản lý, hộ ông H tự tôn tạo, quản lý sử dụng và xây dựng quán để kinh doanh năm 1992.

Các nội dung khởi kiện của ông Trương Quang H và bà Phạm Thị T:

Yêu cầu bồi thường diện tích 52m^2 là đất ở:

Căn cứ Khoản 4, Điều 82, Luật Đất đai năm 2013 quy định các trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất:

"4. Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này. "

Căn cứ Điều 99 Luật Đất đai năm 2013 quy định các trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

"1. Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho những trường hợp sau đây:

a) Người đang sử dụng đất có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại các điều 100, 101 và 102 của Luật này;

b) Người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất từ sau ngày Luật này có hiệu lực thi hành;

c) Người được chuyển đổi, nhận chuyển nhượng, được thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người nhận quyền sử dụng đất khi xử lý hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để thu hồi nợ;

d) Người được sử dụng đất theo kết quả hòa giải thành đối với tranh chấp đất đai; theo bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành

án của cơ quan thi hành án hoặc quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã được thi hành;

đ) Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất;

e) Người sử dụng đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế;

g) Người mua nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất;

h) Người được Nhà nước thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; người mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;

i) Người sử dụng đất tách thửa, hợp thửa; nhóm người sử dụng đất hoặc các thành viên hộ gia đình, hai vợ chồng, tổ chức sử dụng đất chia tách, hợp nhất quyền sử dụng đất hiện có;

k) Người sử dụng đất đề nghị cấp đổi hoặc cấp lại giấy chứng nhận bị mất."

Đối chiếu với các quy định trên, hộ ông, bà Trương Quang H, Phạm Thị T không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Điều 99 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, diện tích 52m^2 thuộc thửa 44/2/GPMB của hộ ông, bà Trương Quang H, Phạm Thị T không đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 82 Luật Đất đai năm 2013. Việc ông Trương Quang H và bà Phạm Thị T yêu cầu bồi thường diện tích 52m^2 là đất ở là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Yêu cầu bố trí 01 suất đất tái định cư cho gia đình:

Theo Điều 18, quy định kèm theo Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q quy định việc bố trí tái định cư cho người có đất ở thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở.

Đối chiếu với trường hợp hộ ông, bà Trương Quang H, Phạm Thị T không đủ điều kiện bồi thường đất ở, do đó không đủ điều kiện bố trí đất tái định cư. Nội dung ông Trương Quang H và bà Phạm Thị T yêu cầu bố trí 01 suất đất tái định cư cho gia đình là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Như vậy, căn cứ vào hồ sơ tài liệu, kết quả xác minh về nguồn gốc, diễn biến quá trình sử dụng đất và quy định của pháp luật thấy rằng: Nội dung ông Trương Quang H và bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu bồi thường diện tích 52m^2 là đất ở hoặc bố trí 01 suất đất tái định cư cho gia đình là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Từ những cơ sở trên, đề nghị bác đơn khởi kiện của ông Trương Quang H và bà Phạm Thị T.

Người bị kiện là UBND phường G **do người đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Căn cứ Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới và diện tích thửa đất GPMB đối với hộ ông Trương Quang H tại thửa đất số 44, tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 02, thuộc diện giải phóng mặt bằng thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang đường G (Đoạn từ Bưu điện K đến ngã ba rẽ vào Nhà máy Đ1) và hồ sơ địa chính đo xác lập năm 1998, thể hiện:

- 40m^2 đất thu hồi thuộc thửa 121, tờ bản đồ địa chính số 42, ghi mục đích sử dụng (Kios), ký hiệu (CD), tên chủ sử dụng (UBND phường);

- 12m^2 đất thu hồi thuộc thửa 119, tờ bản đồ địa chính số 42, đất giao thông, ký hiệu GT;

Căn cứ Bản chứng nhận nhà, đất của Ủy ban nhân dân - Ủy ban Mặt trận tổ quốc phường G lập ngày 12/11/2019:

Căn cứ Quyết định số 5688/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của Chủ tịch UBND thành phố về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Quang H, trú tại tổ A, khu G, phường G, thành phố H. Ngày 24/11/2021, UBND phường G đã ban hành Quyết định số 355/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ một phần Bản chứng nhận nhà, đất ngày 26/02/2019 đối với hộ ông, bà Trương Quang H, Phạm Thị T. Trong đó thu hồi nội dung đất chuyên dụng do Ủy ban nhân dân phường Q.

Ngày 25/11/2021, UBND phường G đã ban hành Văn bản số 1531/UBND ngày 25/11/2021 về việc bổ sung thông tin nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với hộ ông, bà Trương Quang H, Phạm Thị T, cụ thể: Đất do Nhà nước quản lý, hộ ông H tự tôn tạo, quản lý sử dụng và xây dựng quán để kinh doanh năm 1992.

Như vậy, căn cứ vào hồ sơ tài liệu, kết quả xác minh. UBND Phường xác nhận về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất là đúng với thực tế và quy định hiện hành.

Tại Bản án hành chính thẩm số 77/2023/HC-ST ngày 11/10/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T - ông Trương Quang H về nội dung hủy Quyết định số 8519/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND thành phố H về việc thu hồi 285,8m^2 đất của 29 hộ gia đình, cá nhân tại phường G để bồi thường GPMB thực hiện dự án C đường G đoạn từ Ngã 3 Ba Lan đến Ngã 3 lối rẽ đi Nhà máy Đ tại phường G, thành phố H;

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T - ông Trương Quang H về nội dung Hủy Quyết định số 1663/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của UBND thành phố H về việc thu hồi đất của 09 hộ gia đình, cá nhân tại phường G để GPMB thực hiện công trình: Cải tạo, chỉnh trang đường G (đoạn từ Bưu điện K đến ngã 3 vào Nhà máy Đ1) tại phường G, thành phố H; Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của UBND thành phố H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho 09 hộ dân tại phường G để GPMB xây dựng công trình cải tạo, chỉnh trang đường G; Bản chứng nhận nhà đất cùng các văn bản có nội dung sửa đổi, bổ sung bản chứng nhận này của UBND phường G (nội dung sửa đổi, bổ sung bản chứng nhận nhà đất này được khẳng định trong Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 24/11/2021; Văn bản số 29/UBND ngày 07/01/2022; Văn bản số 1531/UBND ngày 25/11/2021 do UBND phường G ban hành) để ban hành Quyết định thay thế khác trên cơ sở công nhận quyền sử dụng đất đối với 52m^2 đất mà gia đình chúng tôi đang sử dụng là đất ở, không phải đất do Nhà nước quản lý, đồng thời bồi thường toàn bộ diện tích đất này theo khung

giá đất ở hoặc bố trí 01 suất đất tái định cư cho gia đình tôi khi Nhà nước thu hồi đất.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/10/2023, người khởi kiện là bà Phạm Thị T, ông Trương Quang H có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, bà hủy quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường và công nhận quyền sử dụng đất đối với 52m^2 đất mà gia đình chúng tôi đang sử dụng là đất ở và bồi thường toàn bộ diện tích đất này theo khung giá đất ở hoặc bố trí 01 suất đất tái định cư cho gia đình ông, bà khi Nhà nước thu hồi đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo và quan điểm, ý kiến đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm, cho rằng bà T, ông H quản lý, sử dụng diện tích 52m^2 đất từ năm 1992 được thể hiện tại đơn xin phép kinh doanh nên diện tích đất này là đất ở và ông H, bà T là chủ sử dụng đất. Các văn bản của UBND tỉnh Q là văn bản chỉ đạo, không phải là kế hoạch sử dụng đất và căn cứ thu hồi đất. UBND thành phố H ban hành quyết định thu hồi đất khi chưa được Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch sử dụng đất theo quy định tại Điều 63 Luật Đất đai nên quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường là trái pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà T, ông H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã kết luận: UBND thành phố H ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đồng thời, khi giải quyết vụ án đã xem xét các quyết định có liên quan là đúng. Trên cơ sở xác nhận của UBND phường G về nguồn gốc diện tích đất thu hồi của gia đình bà T, ông H là đất do Nhà nước quản lý nên khi thu hồi đất và lập phương án bồi thường không bồi thường về đất là đúng. Hộ ông H, bà T tôn tạo quản lý, sử dụng đất vào mục đích kinh doanh đến năm 2012 hộ gia đình ông H mới đăng ký hộ khẩu tại diện tích đất thu hồi. Đơn xin phép kinh doanh của bà T không thể hiện nguồn gốc đất của ai. Đối với yêu cầu tái định cư: Tại thời điểm thu hồi đất, vợ chồng ông H, bà T có đất tại địa bàn thành phố H, năm 2020 mới làm thủ tục tặng cho con nên UBND thành phố H không xem xét tái định cư cho hộ ông H là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, không có tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T, ông H. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà T, ông H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu; chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu, thẩm quyền giải quyết và xem xét các quyết định hành chính có liên quan là đúng quy định tại Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 1 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Đối với Quyết định số 8519/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND thành phố H về việc thu hồi 285,8m^2 đất của 29 hộ gia đình, cá nhân tại phường G để GPMB thực hiện dự án cải tạo đường G đoạn từ Ngã 3 Ba Lan đến Ngã 3 lối rẽ đi Nhà máy Đ tại phường G, thành phố H, (hộ ông H bà T bị thu hồi 7,6m^2 đất tại thửa số 6, tờ bản đồ GPMB số 1 thuộc thửa 121 tờ bản đồ địa chính số 42), tại phiên tòa sơ thẩm, ông H khai không nhớ đã nhận được Quyết định số 8519/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND thành phố H. Tuy nhiên, căn cứ Phiếu chi tiền đề ngày 4/1/2019 cho người nhận tiền là ông Trương Quang H theo Quyết định số 8520/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND thành phố H về việc phê duyệt phương án bồi thường, có đủ cơ sở khẳng định ông H bà T đã được nhận, biết Quyết định số 8519/QĐ-UBND chậm nhất là ngày 04/01/2019. Căn cứ Điều 116 Luật Tố tụng hành chính tính đến ngày khởi kiện (ngày 22/3/2022) thấy rằng thời hiệu khởi kiện Quyết định số 8519/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 đã hết. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm g khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông, bà Phạm Thị T, Trương Quang H về việc hủy Quyết định số 8519/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND thành phố H là đúng.

[1.2] Đơn kháng cáo của đương sự:

Ngày 25/10/2023, bà Phạm Thị T và ông Trương Quang H có đơn kháng cáo hợp lệ, được gửi trong thời hạn, có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí và thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại các Điều 205, 206 Luật Tố tụng hành chính và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ của Quốc hội nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3] Về người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa đều đề nghị tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử phúc thẩm thảo luận thấy đây là phiên tòa mở lần thứ 2, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và đã được triệu tập hợp lệ nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính quyết định tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Phạm Thị T và ông Trương Quang H đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Xét tính hợp pháp của các Quyết định:

[2.1.1] Về thẩm quyền và trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định:

Về thẩm quyền ban hành quyết định: UBND thành phố H ban hành Quyết định số 1663/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 về việc thu hồi 171,2m^2 đất của 09 hộ gia đình, cá nhân tại phường G để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án công trình cải tạo, chỉnh trang đường G (đoạn từ Bưu điện K đến ngã ba lối rẽ vào Nhà máy Đ1) tại phường G, thành phố H (hộ ông H-bà T số thứ tự 08 trong danh sach kèm theo) và Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho 09 hộ gia đình, cá nhân tại phường G để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện công trình cải tạo, chỉnh trang đường G (đoạn từ Bưu điện K đến ngã ba lối rẽ vào Nhà máy Đ1) tại phường G, thành phố H là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66 và điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

Đối với Quyết định 8519/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND thành phố H về việc thu hồi 285,8m^2 đất của 29 hộ gia đình, cá nhân tại phường G để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án cải tạo đường G từ đoạn N Ba Lan đến Ngã 3 lối rẽ đi Nhà máy Đ tại phường G, thành phố H (hộ bà T, ông H bị thu hồi 7,6m^2 đất tại thửa số 6, tờ bản đồ GPMB số 1 thuộc thửa số 121, tờ bản đồ địa chính số 42): Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định hết thời hiệu và đình chỉ giải quyết như đã nhận định tại điểm [1.1] mục 1 nêu trên.

[2.1.2] Về trình tự, thủ tục ban hành các quyết định:

Căn cứ Nghị quyết số 167/NQ-HĐND ngày 14/3/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Q về việc thông qua danh mục chuyển mục đích trồng lúa, đất rừng phòng hộ và các dự án thu hồi đất để thực hiện các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh đợt 1 năm 2019;

Căn cứ Văn bản số 540/HĐND-KTNS2 ngày 01/10/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Q về danh mục các dự án khởi công mới từ nguồn phí tham quan vịnh H giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Văn bản số 7315/UBND-XD4 ngày 05/10/2018 của UBND tỉnh Q về danh mục các dự án khởi công mới từ nguồn phí tham quan Vịnh H giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Quyết định số 8292/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của UBND thành phố H về việc phê duyệt quy hoạch tỉ lệ 1/500 Cải tạo đường G đoạn từ Ngã 3 Ba Lan đến Ngã 3 lối rẽ đi Nhà máy Đ;

Ngày 11/5/2018, UBND thành phố H ban hành Thông báo thu hồi đất số 273/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện bồi thường GPMB dự án: Cải tạo đường G đoạn từ Ngã 3 Ba Lan đến Ngã 3 lối rẽ đi Nhà máy Đ.

Ngày 13/6/2018, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng UBND thành phố H tiến hành thống kê, kiểm đếm công trình kiến trúc, cây cối hoa màu của hộ gia đình ông H, bà T. Ông H có mặt tham gia kiểm đếm. Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng lập phương án bồi thường (BL270).

Ngày 04/10/2018, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 6344/QĐ-UBND về việc phê duyệt tổng thể (tỉ lệ 1/500): Cải tạo, chỉnh trang đường G (đoạn từ Bưu điện K đến ngã ba lối rẽ vào Nhà máy Đ1);

Ngày 24/12/2018, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 8519/QĐ-UBND thu hồi 285,8m^2 đất của 29 hộ gia đình, cá nhân tại phường G để bồi thường, GPMB thực hiện dự án cải tạo đường G đoạn từ Ngã 3 Ba Lan đến Ngã 3 lối rẽ đi Nhà máy Đ tại phường G, thành phố H (hộ ông Trương Quang H - Phạm Thị T số thứ tự 16 trong danh sách kèm theo bị thu hồi 7,6m^2 thửa số 6, tờ bản đồ GPMB số 1);

Ngày 24/12/2018, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 8520/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho 29 hộ dân tại phường G để GPMB xây dựng công trình cải tạo đường G đoạn từ Ngã 3 Ba Lan đến Ngã 3 lối rẽ đi Nhà máy Đ tại phường G, thành phố H (hộ ông bà Trương Quang H - Phạm Thị T số thứ tự 14 trong danh sách kèm theo, cụ thể: Thửa số 06 tờ bản đồ GPMB số 01, tổng diện tích 59,6m^2, trong đó diện tích thu hồi thuộc thửa 121/ĐC/42: 7,6m^2 đất chuyên dụng; thửa 136/ĐC/42, diện tích 0,4m^2 đất giao thông. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 41.630.000 đồng, trong đó, giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất: 00 đồng; công trình kiến trúc: 41.439.555,84 đồng; Cây hoa màu: 190.000 đồng; chính sách hỗ trợ: 5.000.000 đồng);

Ngày 18/3/2019, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 1374/QĐ-UBND về phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho 29 hộ dân tại phường G để GPMB xây dựng công trình cải tạo đường G đoạn từ Ngã 3 Ba Lan đến Ngã 3 lối rẽ đi Nhà máy Đ tại phường G, thành phố H (hộ ông bà Trương Quang H - Phạm Thị T số thứ tự 14 trong danh sách kèm theo, cụ thể: Thửa số 06 tờ bản đồ GPMB số 01, tổng diện tích 59,6m^2, trong đó diện tích thu hồi thuộc thửa 121/ĐC/42: 7,6m^2 đất chuyên dụng; thửa 136/ĐC/42, diện tích 0,4m^2 đất giao thông. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung là 23.833.000 đồng, trong đó, giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất: 00 đồng; công trình kiến trúc: 41.439.555,84 đồng; cây hoa màu: 190.000 đồng; chính sách hỗ trợ: 5.000.000 đồng).

Ông H đã nhận tiền bồi thường theo phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt và không khiếu nại gì đối với Quyết định số 8520/QĐ-UBND và Quyết định số 1374/QĐ-UBND, các quyết định này là quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường giai đoạn 1 của dự án cải tạo đường G.

Tiếp đó, ngày 28/5/2019 UBND thành phố H ban hành Quyết định số 3550/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng điều chỉnh (tỉ lệ 1/500): Cải tạo, chỉnh trang đường G (đoạn từ Bưu điện K đến ngã ba lối rẽ vào Nhà máy Đ1) tại phường G, thành phố H;

Ngày 21/3/2019, UBND thành phố H ban hành Thông báo thu hồi đất số 160/TB-UBND để thực hiện bồi thường GPMB dự án: Cải tạo, chỉnh trang đường G (đoạn từ Bưu điện K đến ngã ba lối rẽ vào Nhà máy Đ1) tại phường G, thành phố H và Thông báo thu hồi đất số 451/TB-UBND ngày 24/7/2019 của

UBND thành phố H về việc điều chỉnh một phần nội dung tại Thông báo số 160/TB-UBND ngày 21/3/2019 của UBND thành phố H.

Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng dự án đã thống kê diện tích đất, công trình kiến trúc trên đất thu hồi thực hiện dự án và lập dự thảo phương án bồi thường. Đồng thời vận động hộ gia đình ông H bàn giao mặt bằng thực hiện dự án, ông H đại diện hộ gia đình ký đồng ý tại các biên bản vận động (BL129).

Ngày 09/3/2020, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 1663/QĐ-UBND thu hồi 171,2m^2 đất của 09 hộ gia đình, cá nhân tại phường G để GPMB thực hiện công trình Cải tạo, chỉnh trang đường G (đoạn từ Bưu điện K đến ngã ba lối rẽ vào Nhà máy Đ1) tại phường G, thành phố H (hộ ông Trương Quang H - Phạm Thị T số thứ tự 08 trong danh sách kèm theo).

Ngày 09/3/2020, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 1668/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho 09 hộ gia đình, cá nhân tại phường G để bồi thường, GPMB thực hiện công trình Cải tạo, chỉnh trang đường G (đoạn từ Bưu điện K đến ngã ba lối rẽ vào Nhà máy Đ1) tại phường G, thành phố H (hộ ông Trương Quang H - Phạm Thị T số thứ tự 09 trong danh sách kèm theo, cụ thể: Thửa số 44 tờ bản đồ GPMB số 02, tổng diện tích 52,0m^2, trong đó thửa 121/ĐC/42: diện tích đất: 40m^2; thửa 119/ĐC/42: diện tích 12m^2 tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 169.411.000đ, trong đó, giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất: 00 đồng; công trình kiến trúc: 164.411.342,8đ; cây hoa màu: 00 đồng; chính sách hỗ trợ: 5.000.000đ); thửa 32A tờ bản đồ GPMB số 02, thuộc thửa 122/ĐC/42, tổng diện tích 09m^2, tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 23.270.000đ, trong đó, giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất: 00 đồng; công trình kiến trúc: 18.269.808,67đ; cây hoa màu: 00 đồng; chính sách hỗ trợ: 5.000.000đ);

Không đồng ý với việc UBND phường G xác nhận trong bản chứng nhận nhà, đất tại thửa số 44, tờ bản đồ GPMB số 02 thuộc thửa 119 và thửa 121, tờ bản đồ địa chính số 42, ông Trương Quang H có đơn kiến nghị gửi UBND phường G, nội dung: Từ năm 1992, gia đình ông quản lý và xây dựng nhà ở, quán bán tạp hóa có giấy xác nhận của UBND phường G, nhưng UBND phường xác nhận đất do UBND phường quản lý và không bồi thường về đất.

Đồng thời, ông H có đơn đề nghị UBND thành phố H cấp cho gia đình một ô đất tái định cư khi thu hồi đất thuộc thửa 119 và thửa 121, tờ bản đồ địa chính số 42.

Ngày 06/7/2020, UBND thành phố H ban hành Văn bản số 6005/UBND trả lời đơn kiến nghị của ông H về việc bố trí ô đất tái định cư cho gia đình là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Ngày 10/9/2020, UBND phường G ban hành Văn bản số 1154/UBND trả lời đơn ông H có nội dung khẳng định UBND phường xác nhận về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất là đúng quy định hiện hành.

Ông H khiếu nại Văn bản số 1154/UBND nêu trên đến Chủ tịch UBND phường G, với nội dung: Nguồn gốc sử dụng đất đối với một phần diện tích thuộc thửa 119 và 121, tờ bản đồ số 42 do gia đình tôn tạo từ trước 15/10/1993

và sử dụng để kinh doanh, không phải đất chuyên dùng do UBND phường quản lý.

Ngày 15/01/2021, Chủ tịch UBND phường G ban hành Quyết định số 11/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Trương Quang H, nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Trương Quang H.

Ông H khiếu nại Quyết định số 11/QĐ-UBND đến Chủ tịch UBND thành phố H.

Ngày 01/7/2021, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 5688/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông Trương Quang H (lần hai), nội dung: Chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Trương Quang H khiếu nại Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của Chủ tịch UBND phường G, nội dung khiếu nại: Nguồn gốc sử dụng đất đối với một phần diện tích thuộc thửa 119 và 121, tờ bản đồ số 42 do gia đình tôn tạo từ trước 15/10/1993 và sử dụng để kinh doanh, không phải đất chuyên dùng do UBND phường quản lý; Giao Chủ tịch UBND phường Giếng Đáy thu hồi, lập lại bản chứng nhận nhà, đất đối với thửa đất số 119, 121 tờ bản đồ 42 (tức thửa đất GPMB số 44 tờ bản đồ GPMB số 02) cho gia đình ông Trương Quang H theo quy định; trên cơ sở bản chứng nhận nhà, đất do UBND phường lập lại, Ban Q lập, trình Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố xem xét xác định đúng loại đất (nếu đủ điều kiện) làm cơ sở để UBND thành phố phê duyệt bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Thực hiện Quyết định số 5688/QĐ-UBND ngày 01/7/2021, Chủ tịch UBND thành phố H về giải quyết khiếu nại của ông Trương Quang H, ngày 24/11/2021 Chủ tịch UBND phường G ban hành Quyết định số 355/QĐ-UBND, nội dung: Thu hồi và hủy bỏ một phần Bản chứng nhận nhà, đất ngày 26/02/2019 của UBND phường G lập đối với hộ ông (bà) Trương Quang H - Phạm Thị T (quản lý, sử dụng thửa đất số 44/GPMB/02) thuộc diện GPMB thực hiện dự án: Cải tạo, chỉnh trang đường G (đoạn từ Bưu điện K đến ngã ba vào Nhà máy Đ) tại phường G, thành phố H; cụ thể nội dung thu hồi: Đất chuyên dùng do UBND phường quản lý.

Ngày 25/11/2021, UBND phường G ban hành Văn bản số 1531/UBND gửi Ban Q, nội dung bổ sung thông tin nguồn gốc đất đối với hộ ông Trương Quang H như sau: Đất do Nhà nước quản lý, hộ ông H tự tôn tạo, quản lý và xây dựng quán để kinh doanh từ năm 1992.

Ngày 07/01/2022, UBND phường G ban hành Văn bản số 29/UBND trả lời đơn ông Trương Quang H về việc ngày 24/11/2021 Chủ tịch UBND phường G đã ban hành Quyết định số 355/QĐ-UBND thu hồi và hủy bỏ một phần Bản chứng nhận nhà, đất ngày 26/02/2019 của UBND phường G lập đối với hộ ông (bà) Trương Quang H - Phạm Thị T (quản lý, sử dụng thửa đất số 44/GPMB/02) và ngày 25/11/2021, UBND phường G đã ban hành Văn bản số 1531/UBND về việc bổ sung thông tin nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với hộ ông Trương Quang H thửa đất số 44/GPMB/02: Đất do Nhà nước quản lý, hộ ông H tự tôn tạo, quản lý và xây dựng quán để kinh doanh từ năm 1992.

Ông Trương quang H2 có đơn đề nghị UBND thực hiện Quyết định số 5688/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của Chủ tịch UBND thành phố H về giải quyết khiếu nại của ông Trương Quang H; đề nghị thu hồi và lập lại Bản chứng nhận nhà, đất cho gia đình ông để làm cơ sở bồi thường theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/01/2022 và ngày 25/3/2022, UBND thành phố H ban hành Văn bản số 200/UBND và 2210/UBND trả lời đơn ông H về việc không bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 52m^2 thửa 119 và 121, tờ bản đồ địa chính số 42 là đúng quy định. Do đó, ông H đề nghị bồi thường, hỗ trợ về đất và đề nghị cấp 01 suất tái định cư là không có cơ sở giải quyết.

Như vậy, các Quyết định số 1663/QĐ-UBND và Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của UBND thành phố H về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư; Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của Chủ tịch UBND phường G về việc thu hồi và hủy bỏ một phần Bản chứng nhận nhà, đất ngày 26/02/2019 của UBND phường G lập đối với hộ ông (bà) Trương Quang H - Phạm Thị T; Văn bản số 1531/UBND ngày 25/11/2021 của UBND phường G về việc bổ sung thông tin nguồn gốc đất đối với hộ ông Trương Quang H đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đối với Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của Chủ tịch UBND phường G về giải quyết khiếu nại (lần đầu); Quyết định số 5688/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của Chủ tịch UBND thành phố H về giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Trương Quang H cũng như Văn bản số 200/UBND ngày 11/01/2022 của UBND thành phố H về việc trả lời đơn ông H: Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông H, Chủ tịch UBND phường G và Chủ tịch UBND thành phố H đã có thông báo thụ lý đơn khiếu nại; thành lập tổ xác minh khiếu nại. Trên cơ sở kết quả xác minh, đối thoại và báo cáo kết quả xác minh khiếu nại, Chủ tịch UBND phường G và Chủ tịch UBND thành phố H ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 và quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 là đúng đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Luật Khiếu nại năm 2011; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính và Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

[2.1.3] Về căn cứ ban hành quyết định:

Quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông H cho rằng diện tích 52m^2 đất có nguồn gốc do ông, bà khai hoang, trồng trọt từ năm 1986. Năm 1990 gia đình ông, bà xây dựng nhà ở và sinh sống trên thửa đất này, năm 1992 bà T có đơn xin phép kinh doanh tạp phẩm, có xác nhận của UBND phường G và sử dụng để ở, kinh doanh ổn định đến nay, không có tranh chấp và không bị xử phạt hành chính được chứng minh bằng Đơn xin phép kinh doanh ngày 03/6/1992 có xác nhận của UBND phường G; biên lai thu thuế quyền sử dụng đất và sổ hộ khẩu…nên đủ điều kiện công nhận là đất ở, bồi thường loại đất ở và được bố trí

01 suất tái định cư. Tuy nhiên, căn cứ Văn bản số 1531/UBND ngày 25/11/2021 và Văn bản số 441/UBND ngày 02/8/2023 (BL162) của UBND phường G thể hiện: Thửa đất số 44, tờ bản đồ GPMB số 02 do bà T, ông H quản lý, sử dụng tại tổ A, khu G, phường G thuộc diện giải phóng mặt bằng thực hiện dự án cải tạo chỉnh trang đường G (đoạn từ Bưu điện K đến ngã ba rẽ vào Nhà máy Đ1) với diện tích 52m^2, trong đó 40m^2 đất thu hồi thuộc thửa số 121, tờ bản đồ địa chính số 42 thể hiện là đất chuyên dụng (ký hiệu trên bản đồ là CD); tên chủ sử dụng: UBND phường; diện tích 12m^2 đất thu hồi thuộc thửa số 119, tờ bản đồ địa chính số 42 đất giao thông do UBND phường quản lý; gia đình tự quản lý làm kios để kinh doanh từ năm 1992 đến nay. Trong quá trình sử dụng, ông H đã tôn tạo lại quán thành công trình kiên cố. Ngày 09/5/2012, hộ gia đình bà T, ông H chuyển khẩu từ tổ 12, khu B, phường G đến Tổ A, khu G, phường G (là nơi có đất bị thu hồi) để ở và kinh doanh.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện UBND phường G trình bày năm 1992 gia đình bà T, ông H có đơn xin phép kinh doanh là xin địa điểm kinh doanh, không phải xin đất ở và đơn xin phép kinh doanh của bà T là theo mẫu thể hiện thời hạn xin phép kinh doanh là 12 tháng, có xác nhận của UBND phường G. Bản chứng nhận nhà đất và sổ hộ khẩu thể hiện gia đình ông H ở trên đất bị thu hồi từ năm 2012, còn trước đó gia đình ông H, bà T ở tại tổ A, khu B, phường G. Thửa đất này là thửa đất kéo dài, là dãy kios do UBND phường quản lý, khi các hộ dân có nhu cầu sử dụng thì giao cho các hộ dân kinh doanh thể hiện tại đơn xin phép kinh doanh như đơn gia đình ông H, bà T xuất trình. Tại biên bản đối thoại tại UBND phường G ngày 21/12/2020, ông H thừa nhận đất do UBND phường quản lý, năm 2012 ông chuyển hộ khẩu về ở kết hợp làm thương mại dịch vụ kinh doanh. Đối với diện tích đất ông H, bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại tổ A, khu B, phường G đã cho vợ chồng con trai và cho rằng gia đình ông đã sử dụng diện tích đất bị thu hồi không có tranh chấp nên đề nghị bồi thường về đất. Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm ông H và đại diện theo ủy quyền của ông H, bà T cũng thừa nhận không đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với diện tích đất bị thu hồi. Lời khai của ông H phù hợp với lời khai của đại diện UBND phường G về thời điểm sinh sống tại diện tích đất bị thu hồi là năm 2012.

Từ những lập luận phân tích nêu trên thấy rằng Đơn xin phép kinh doanh ngày 03/6/1992 của bà T chỉ thể hiện xin phép địa điểm kinh doanh và có thời hạn là 12 tháng; không phải là đơn xin đất để làm nhà ở nên không được coi là giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ. Đại diện UBND thành phố H cũng xác định tại thời điểm thu hồi đất năm 2020, kios hộ ông H, bà T đang sử dụng không được quy hoạch là đất ở, không phù hợp với quy hoạch nên không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất loại đất ở, không đủ điều kiện được bồi thường là đất ở. Ngoài ra, hồ sơ vụ án thể hiện ngày 03/6/2005, UBND thành phố H cấp GCNQSD đất số AC 709605, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 11998 cho người sử dụng đất là ông Trương Quang H bà Phạm Thị T, địa chỉ thường trú tại tổ A, khu B, phường G, thành

phố H, tỉnh Quảng Ninh; thửa đất số 44 tờ bản đồ số 32, địa chỉ thửa đất tổ A, khu B, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh diện tích 1.121,95m^2 trong đó đất ở: 200m^2; đất trồng cây lâu năm 921,95m^2; nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Ngày 24/02/2020, ông H bà T tặng cho quyền sử dụng thửa đất nêu trên cho vợ chồng con trai là anh Trương Anh T2 và chị Trần Thị P, đến ngày 16/3/2020 anh T2 chị P đã được UBND thành phố H cấp lại GCNQSD đất số CO 221721 đối với thửa đất đã được tặng cho. Như vậy, tại thời điểm có thông báo thu hồi đất, hộ bà T ông H đã có nhà ở, đất ở. Việc ông H bà T tặng cho quyền sử dụng thửa đất nêu trên cho vợ chồng con trai là anh T2 và chị P phát sinh sau ngày có thông báo thu hồi đất. Do đó, đủ căn cứ xác định tại thời thời điểm có thông báo thu hồi đất, ông H bà T đã có nhà ở, đất ở khác trên địa bàn phường G.

Căn cứ vào nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất của ông, bà Phạm Thị T, Trương Quang H như đã phân tích nêu trên; căn cứ Khoản 4, Điều 82, Luật Đất đai năm 2013 quy định các trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất; Điều 99 Luật Đất đai năm 2013 quy định các trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ, hộ ông, bà Trương Quang H, Phạm Thị T không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích 52m^2 thuộc thửa 44/2/GPMB là đất ở nên không được bồi thường về đất ở khi Nhà nước thu hồi đất. Do đó ông H, bà T yêu cầu bồi thường diện tích 52m^2 là đất ở là không có căn cứ.

Đối với yêu cầu bố trí 01 suất đất tái định cư: Căn cứ Điều 18, quy định kèm theo Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Q quy định việc bố trí tái định cư cho người có đất ở thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở, thửa đất bị thu hồi của hộ ông H, bà T không đủ điều kiện bồi thường đất ở nên không đủ điều kiện bố trí đất tái định cư. Do đó, ông H bà T yêu cầu bố trí 01 suất đất tái định cư cho gia đình là không có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá đầy đủ và toàn diện tài liệu, chứng cứ để bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, ông H hủy Quyết định số 1663/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của UBND thành phố H về việc thu hồi đất; Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của UBND thành phố H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư; hủy Bản chứng nhận nhà đất cùng các văn bản có nội dung sửa đổi, bổ sung bản chứng nhận này của UBND phường G để ban hành Quyết định thay thế khác trên cơ sở công nhận quyền sử dụng đối với diện tích 52m^2 đất mà gia đình ông, bà Phạm Thị T - Trương Quang H đang sử dụng là đất ở, không phải đất do Nhà nước quản lý, đồng thời bồi thường toàn bộ diện tích đất này theo khung giá đất ở hoặc bố trí 01 suất đất tái định cư cho gia đình khi Nhà nước thu hồi đất là có căn cứ. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị T và ông Trương Quang H.

Về án phí: Do bà T, ông H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí hành chính phúc thẩm nên miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Phạm Thị T và ông Trương Quang H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị T và ông Trương Quang H; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 77/2023/HC-ST ngày 11/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Phạm Thị T và ông Trương Quang H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HS, HCTP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phương Hạnh